

Án số: 39/2018/HNGĐ - ST  
Ngày 05 - 4 - 2018  
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đàm Văn Kiều

Ông Đào Văn Rạng

*- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên*

Ngày 05 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2017/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017. Về vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Ch - Sinh năm 1976

Địa chỉ: Đội 7 Quần L xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M - Sinh năm 1981

Địa chỉ: Đội 7 Quần L xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa vắng mặt chị M và anh Ch.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện lập ngày 13/11/2017 cũng như lời khai của anh Nguyễn Văn Ch trong quá trình giải quyết trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị M

vào tháng 12/2003 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn anh và chị M vào thành phố Hồ Chí Minh làm kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 10/2014 nguyên nhân là do anh và chị M luôn đồng ý về quan điểm sống và chị M ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M không được cải thiện. Từ tháng 01/2017 đến nay anh và chị M sống ly thân nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M không còn nên anh xin được ly hôn chị Nguyễn Thị M. Về con chung giữa anh và chị Nguyễn Thị M có một con chung là Nguyễn Thị H sinh ngày 28/9/2004, hiện đang do chị M nuôi dưỡng. Nay anh đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng cháu H theo nguyện vọng của cháu H, nếu cháu H ở với chị M thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H cùng chị M mỗi tháng 1.000.000đồng. Về tài sản chung giữa anh và chị Nguyễn Thị M không có nên anh không yêu cầu giải quyết về tài sản. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do điều kiện công việc bận nên anh không tham gia phiên tòa được, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị M vắng mặt nhưng chị M có lời khai trình bày đúng như lời khai của anh Nguyễn Văn Ch về quá trình kết hôn và sống chung giữa chị và anh Ch. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Ch phát sinh từ tháng 3/2017, nguyên nhân là do anh Ch có biểu hiện sống không chung thủy với chị trong quan hệ vợ chồng. Đã nhiều lần chị khuyên giải nhưng anh Ch không nghe nên quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Ch không được cải thiện. Từ tháng 10/2017 đến nay chị và anh Ch sống ly thân nhau. Nay anh Ch có đơn xin ly hôn chị thì chị không nhất trí vì gia đình chị là gia đình công giáo. Về con chung giữa chị và anh Ch có một con chung là Nguyễn Thị H sinh ngày 28/9/2004, hiện chị đang nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn thì nguyện vọng của cháu H muốn ở với ai là tùy cháu. Nếu cháu H ở với anh Ch thì chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ch mỗi tháng 1.000.000đồng, nếu cháu H ở với chị không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con, còn thì tùy anh Ch. Về tài sản chung giữa chị và anh Ch không có nên chị không yêu cầu giải quyết về tài sản. Do điều kiện công việc bận nên chị không tham gia phiên tòa được, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án cơ bản đã đảm bảo tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đến khi xét xử tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn Ch và chị Nguyễn Thị M. Đề nghị giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh Ch có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên án phí theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Ch và chị Nguyễn Thị M đều có hộ khẩu thường trú tại xã N huyện N tỉnh N, anh Ch có đơn xin ly hôn chị M và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Ch và chị Nguyễn Thị M vắng mặt nhưng anh Ch và chị M đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt anh Ch và chị M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Ch và chị Nguyễn Thị M được tổ chức kết hôn vào tháng 12/2003, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tiến bộ và hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh Ch và chị M chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian dài. Sau mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân Ch là do hai bên không hợp tính nhau và còn do chị M nghi ngờ anh Ch không chung thủy với chị trong quan hệ vợ chồng. Từ tháng 10/2017 đến nay anh Ch và chị M sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Ch và chị M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh Ch xin ly hôn chị M nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc chị M không nhất trí ly hôn anh Ch với lý do chị là gia đình công giáo, thấy yêu cầu của chị M không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Ch và chị Nguyễn Thị M có một con chung là Nguyễn Thị Thúy H sinh ngày 28/9/2004. Anh Ch và chị M đều đề nghị giải quyết việc nuôi con chung theo nguyện vọng của cháu H và cháu H có nguyện vọng được ở cùng chị M, nên giao cháu H cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc anh Ch tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H cùng chị M mỗi tháng 1.000.000 đồng thấy là phù hợp với điều kiện kinh tế của anh Ch nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản: Anh Nguyễn Văn Ch và chị Nguyễn Thị M đều khai xác định anh, chị không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Văn Ch phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

**Vì các lẽ trên**

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn Ch và chị Nguyễn Thị M.

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thúy H sinh ngày 28/9/2004 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng (chị Nguyễn Thị M đang quản lý nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thúy H). Buộc anh Nguyễn Văn Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị M đối với cháu Nguyễn Thị Thúy H mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 4/2018 đến khi cháu Nguyễn Thị Thúy H trưởng thành tự lập được. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Văn Ch phải nộp 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Văn Ch phải nộp 300.000 đồng, tổng số tiền án phí án anh Nguyễn Văn Ch phải nộp là 600.000 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Văn Ch đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/006161 ngày 17/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh Nguyễn Văn Ch còn phải nộp số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh Ch và chị M, báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã N
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Trần Xuân Dũng**